TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 311/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 28 tháng 8 năm 2019
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Đoàn Văn Quang

2). Bà Nguyễn Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim S, sinh năm xxxx (có mặt)
Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện G, Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn P, sinh năm xxxx (có mặt)
Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện G, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Kim S trình bày*:

- Về hôn nhân: Năm 2006, chị và anh P quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09 tháng 01 Năm 2007. Sau khi cưới vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sinh sống, sống hạnh phúc đến năm 2018, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh P

- Về con chung: Có 01 con chung Ngô Nguyễn Kim C, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với anh P. Ly hôn, do con muốn sống với anh P nên chị đồng ý để chồng tiếp tục nuôi con chung, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất nội dung mà chị S trình bày nhưng anh thấy vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh P cho rằng trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, anh đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng chị S không đồng ý, vẫn cương quyết ly hôn nên anh nhận thấy tình cảm vợ chồng của chị S không còn nữa nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung Ngô Nguyễn Kim C, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với anh. Nếu ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Kim S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Kim S và anh Ngô Văn P tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G cấp giấy chứng kết hôn số 01 ngày 09 tháng 01 Năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng không hàn gắn được. Nay tình cảm không còn nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn P

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh P và chị S không có biện pháp hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài và tại phiên tòa anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Ngô Nguyễn Kim C, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với anh P. Ly hôn, chị S đồng ý giao cháu Cương cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, anh P đồng ý nuôi con chung không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi

Xét thỏa thuận của chị S và anh P về người trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị S chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa có yêu cầu. Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Chị S nộp án phí ly hôn theo quy định

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Kim S và anh Ngô Văn P

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Nguyễn Kim C, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx cho anh Ngô Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng

- Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Chị Nguyễn Kim S nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 46786 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị S đã nộp đủ án phí

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
-UBND xã B, huyện Gò Công Đông;
-Các đương sự
- Lưu hs.av

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ